Số: 782/QĐ-UBND; 19/12/2025;

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Đường Quảng trường trung tâm huyện Nậm Nhùn (giai đoạn 3)

(Kèm theo Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Nậm Hàng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên chủ hộ và danh mục bồi thường	ĐVT	Quy cách	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
	TỔNG MỨC PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN	**đồng**				**229.887.826**	
I	**Chi trả chủ sở hữu**	**đồng**				**145.203.420**	
a	**Bồi thường về đất**			**917,4**		**33.301.620**	
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1) trên địa bàn xã Nậm Hàng	m2		917,4	36.300	33.301.620	
b	**Bồi thường cây cối hoa màu**					**9.456.600**	
c	**Chính sách hỗ trợ**					**102.445.200**	
II	**Chi phí tổ chức thực hiện**			**-**		**84.684.406**	
	Chi phí thực hiện TTPTQĐ và thẩm định của phòng kinh tế xã	m2				52.084.000	
	Chi phí đo đạc địa chính	m2				32.600.406	
CHI TIẾT THEO HỘ							
	TDP Pa kéo						
1	**- Ông: Khoàng Văn Kẻo (Vợ là bà: Lù Thị Châu)** **- Địa chỉ thường trú: bản Nậm Dòn, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu** **- Địa chỉ thửa đất: xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu** **- Số CCCD: 012058000106 cấp ngày 25/4/2021** **- Số điện thoại: 0388987647**					**145.203.420**	
a	***Bồi thường về đất***			***917,4***		***33.301.620***	
	Đất trồng cây hàng năm khác (VT1) trên địa bàn xã Nậm Hàng	m2		917,4	36.300	33.301.620	
	Nguồn gốc sử dụng đất: - Công nhận Đất trồng cây hàng năm khác theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 238414						
	Bồi thường cây cối hoa màu					**9.456.600**	
	Xoài trồng 2 năm	Đồng/cây		36,0	255.100	9.183.600	*Số lượng xoài kiểm đếm 336 cây, không đảm bảo mật độ, tính bồi thường 36 cây*
	Chuối các loại	Đồng/kg		497,0		-	*Chuối 497 cây quá mật độ trồng theo QĐ 49 ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh*

STT	Tên chủ hộ và danh mục bồi thường	ĐVT	Quy cách	Số lượng, khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
	Tre và cây tương tự trồng năm thứ 2	Đồng/cây		55,0		-	*Tre 55 cây quá mật độ trồng theo QĐ 49 ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh*
	Cây gạo 4 năm trở lên	Đồng/cây		3,0	91.000	273.000	
b	***Chính sách hỗ trợ***					***102.445.200***	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm (Đất trồng cây hàng năm khác - VT1)	m2		917,4	108.000	99.079.200	*Hỗ trợ theo điểm c khoản 1 điều 14 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu*
	Hỗ trợ ổn định đời sống nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp thu hồi đất nông nghiệp dưới 30%	kg	2*30*3	180,0	18.700	3.366.000	*Hỗ trợ theo khoản 1 điều 11 Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND tỉnh Lai Châu*